

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Khoảng 90 nắp hoặc vật đếm, khay/giấy làm nhóm, giấy và bút. Có thể dùng lại vật sau mỗi nhiệm vụ; không cần lấy hết vật cùng một lúc.

CÁCH TỔ CHỨC

Mỗi nhiệm vụ dùng đủ kiện riêng; những nhóm được gộp hoặc chia phải bằng nhau theo đề.

Em có thể dùng vật, vẽ, nhẩm rồi viết phép tính theo yêu cầu. Không cần thuộc nhanh cả bảng trước khi được mở bài khác.

LƯU Ý CHUNG

Dùng nhóm bằng nhau để giải thích: $a \times b$ biểu diễn b nhóm, mỗi nhóm a . Nếu trẻ đổi cách nhóm hoặc đổi thứ tự thừa số, nghe giải thích rồi đối chiếu lượng.

Bảng nhân và chia giúp nhẩm; khi chưa nhớ, trẻ có thể dựng nhóm, đếm hoặc dùng phép nhân để kiểm phép chia. Không bấm giờ.

Phân biệt chia thành một số nhóm bằng nhau với chia mỗi nhóm một số vật; câu trả lời cần nêu rõ số vật mỗi nhóm hay số nhóm. Ghi riêng phần trợ giúp và phần trẻ tự viết.

Bài 1 · tr. 01 **Bảng nhân 6**

Mục tiêu Dùng nhóm 6 để lập, nhẩm và vận dụng bảng nhân 6.

Ví dụ Mỗi khay có 6 nắp, 2 khay có $6 \times 2 = 12$ nắp. Thêm một khay thì thêm 6 nắp: $6 \times 3 = 18$. Dùng cách tăng đều để kiểm các phép trong bảng.

Câu 1 · tr. 01 Mỗi khay 6 chấm, có 4 khay; $6 \times 4 = 24$ chấm.

LT LT1 · tr. 01 5 nhóm có $6 \times 5 = 30$ nắp; bớt một nhóm còn $6 \times 4 = 24$ nắp. Kiểm: $30 - 6 = 24$.

Câu 2 · tr. 02 $6 \times 2 = 12$; $6 \times 6 = 36$; $6 \times 7 = 42$. Từ 6 nhóm sang 7 nhóm thêm một nhóm 6.

Câu 3 · tr. 02 $6 \times 1 = 6$; $6 \times 8 = 48$; $6 \times 10 = 60$; $6 \times 5 = 30$. Cách kiểm phải giữ mỗi nhóm 6.

Câu 4 · tr. 02 $6 \times 9 = 54$; có tất cả 54 nhãn. Có thể đếm 9 nhóm 6 hoặc dùng 6×10 rồi bớt một nhóm 6.

Bài 2 · tr. 02 **Bảng chia 6**

Mục tiêu Dùng bảng nhân 6 để chia hết và kiểm kết quả chia cho 6.

Ví dụ $6 \times 4 = 24$, nên $24 : 6 = 4$. Nếu chia 24 vật đều vào 6 nhóm thì mỗi nhóm 4 vật; nếu mỗi nhóm 6 vật thì được 4 nhóm.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 2 · nhiệm vụ 1 · tiếp tục

Câu 1 · tr. 02 $30: 6 = 5$; mỗi khay 5 nắp. Kiểm $6 \times 5 = 30$.

Câu 2 · tr. 03 $42: 6 = 7$; cần 7 hộp. Kết quả là số hộp, không phải số nhãn mỗi hộp.

Câu 3 · tr. 03 $54: 6 = 9$; $60: 6 = 10$; $6: 6 = 1$; $12: 6 = 2$; $18: 6 = 3$; $36: 6 = 6$. Kiểm bằng phép nhân tương ứng.

Câu 4 · tr. 03 Mỗi lọ 8 bông: $48: 6 = 8$. Trừ 6 một lần không chia đều toàn bộ số hoa vào 6 lọ.

Bài 3 · tr. 03 **Bảng nhân 7**

Mục tiêu Dùng nhóm 7 để lập, nhắm và vận dụng bảng nhân 7.

Ví dụ Mỗi khay có 7 nắp, 2 khay có $7 \times 2 = 14$ nắp. Thêm một khay thì thêm 7 nắp: $7 \times 3 = 21$. Dùng cách tăng đều để kiểm các phép trong bảng.

Câu 1 · tr. 04 Mỗi khay 7 chấm, có 4 khay; $7 \times 4 = 28$ chấm.

Câu 2 · tr. 04 $7 \times 2 = 14$; $7 \times 6 = 42$; $7 \times 7 = 49$. Từ 6 nhóm sang 7 nhóm thêm một nhóm 7.

Câu 3 · tr. 04 $7 \times 1 = 7$; $7 \times 8 = 56$; $7 \times 10 = 70$; $7 \times 5 = 35$. Cách kiểm phải giữ mỗi nhóm 7.

Câu 4 · tr. 04 $7 \times 9 = 63$; có tất cả 63 nhãn. Có thể đếm 9 nhóm 7 hoặc dùng 7×10 rồi bớt một nhóm 7.

Bài 4 · tr. 05 **Bảng chia 7**

Mục tiêu Dùng bảng nhân 7 để chia hết và kiểm kết quả chia cho 7.

Ví dụ $7 \times 4 = 28$, nên $28: 7 = 4$. Nếu chia 28 vật đều vào 7 nhóm thì mỗi nhóm 4 vật; nếu mỗi nhóm 7 vật thì được 4 nhóm.

Câu 1 · tr. 05 $35: 7 = 5$; mỗi khay 5 nắp. Kiểm $7 \times 5 = 35$.

Câu 2 · tr. 05 $49: 7 = 7$; cần 7 hộp. Kết quả là số hộp, không phải số nhãn mỗi hộp.

Câu 3 · tr. 05 $63: 7 = 9$; $70: 7 = 10$; $7: 7 = 1$; $14: 7 = 2$; $21: 7 = 3$; $42: 7 = 6$. Kiểm bằng phép nhân tương ứng.

Câu 4 · tr. 05 Mỗi lọ 8 bông: $56: 7 = 8$. Trừ 7 một lần không chia đều toàn bộ số hoa vào 7 lọ.

Bài 5 · tr. 06 **Dùng bảng 6 và 7 trong chuyện**

Mục tiêu Chọn nhân, chia trong một chuyện với bảng 6 và 7 và tự kiểm.

Câu 1 · tr. 06 $6 \times 8 = 48$; có 48 bút.

Câu 2 · tr. 06 $42: 7 = 6$; được 6 bó.

Câu 3 · tr. 06 $35: 7 = 5$ thẻ mỗi khay; kiểm $7 \times 5 = 35$. Bớt 7 một lần chưa phải chia đều vào 7 khay.

Câu 4 · tr. 06 $6 \times 9 = 54$, $54: 6 = 9$; $7 \times 10 = 70$, $70: 7 = 10$. Dùng phép nhân tương ứng để kiểm phép chia.